

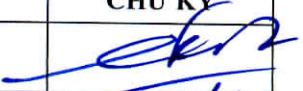
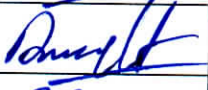
NGƯỜI ĐƯỢC PHÂN PHỐI:

1. Tổng Giám đốc	☒
2. Phó Tổng Giám đốc	☒
3. Đại diện lãnh đạo về chất lượng	☒
4. Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng/tổ Trụ sở chính	☒

THÀNH PHẦN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO:

NGƯỜI LẬP	NGƯỜI KIỂM TRA
 Họ tên: Bùi Văn Đức Chức vụ: Phó phòng QLNV & ĐGRR	 Họ tên: Nguyễn Hồng Phong Chức vụ: Trưởng phòng QLNV & ĐGRR

THÀNH PHẦN THAM GIA XEM XÉT:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	PHÒNG	CHỮ KÝ
1	Trần Thị Kim Yến	Phó Tổng Giám đốc	Ban tổng giám đốc	
2	Lê Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Ban tổng giám đốc	
3	Nguyễn Văn Hùng	Kế Toán Trưởng	Ban điều hành	
4	Đỗ Thị Kim Thoa	Phó phòng phụ trách	Phát triển kinh doanh	

NGƯỜI DUYỆT:

Chữ ký:



Họ và tên: **Phạm Anh Tuấn**

Chức vụ: **PTGD phụ trách Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam**

TÓM TẮT SỬA ĐỔI

LẦN SỬA	NGÀY SỬA	TÓM TẮT NỘI DUNG SỬA ĐỔI
00		

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy tắc bảo hiểm vật chất xe mô tô- xe máy
Mã số QT 42

**TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV BẢO HIỂM NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 09/12/2000 và Luật Kinh doanh bảo hiểm sửa đổi.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Bảo hiểm NHTMCP Công thương Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 1108/QĐ- HĐQT-NHCT1 ngày 09/11/2011 của Hội đồng Quản trị NHTMCP Công thương Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý nghiệp vụ và Đánh giá Rủi ro;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy tắc bảo hiểm vật chất xe mô tô –xe máy”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Ban điều hành, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng phòng/ Tổ tại Trụ sở chính Công ty TNHH MTV Bảo hiểm NH TMCP Công thương Việt Nam, các Đơn vị và Cá nhân có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo và thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu TCHC, Qlnv&Đgrr.



Phạm Anh Tuấn

Trên cơ sở bên tham gia bảo hiểm (sau đây gọi tắt là chủ xe) yêu cầu bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận, Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (gọi tắt là Bảo Ngân) nhận bảo hiểm vật chất xe mô tô-xe máy theo các điều khoản quy định trong Quy tắc này.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm vật chất xe mô tô – xe máy, bao gồm:

1. Quy tắc bảo hiểm vật chất xe mô tô-xe máy: Là các điều khoản quy định quyền lợi, trách nhiệm của chủ xe, lái xe và Bảo Ngân trong việc giao kết hợp đồng bảo hiểm.
2. Hợp đồng bảo hiểm (nếu có): Là văn bản thỏa thuận giữa chủ xe và Bảo Ngân, theo đó chủ xe phải đóng phí bảo hiểm, Bảo Ngân phải trả tiền bồi thường khi có các sự kiện bảo hiểm xảy ra trong phạm vi điều chỉnh của Quy tắc này.
3. Giấy yêu cầu bảo hiểm (theo mẫu của Bảo Ngân): Là một bộ phận cấu thành và không tách rời của hợp đồng bảo hiểm, chủ xe phải kê khai đầy đủ và trung thực các nội dung quy định trong Giấy yêu cầu bảo hiểm.
4. Giấy chứng nhận bảo hiểm vật chất xe mô tô-xe máy (gọi tắt là Giấy chứng nhận bảo hiểm): Do Bảo Ngân cấp theo yêu cầu của chủ xe, là bộ phận cấu thành và không tách rời của hợp đồng bảo hiểm, là bằng chứng ký kết hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp giữa chủ xe và Bảo Ngân không ký kết hợp đồng bảo hiểm và được điều chỉnh theo Quy tắc này.
5. Các thỏa thuận khác được lập thành văn bản giữa chủ xe và Bảo Ngân.

Điều 2. Hiệu lực bảo hiểm và phí bảo hiểm

1. Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
2. Chủ xe phải thanh toán đủ phí bảo hiểm trước khi Bảo Ngân cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản.
3. Trường hợp chủ xe không đóng đúng, đủ phí bảo hiểm theo quy định đã được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm mà không thông báo với Bảo Ngân để thỏa thuận ấn định lại thời hạn đóng phí bảo hiểm bằng phụ lục hợp đồng bảo hiểm thì hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên chấm dứt hiệu lực.
4. Trong thời gian hiệu lực bảo hiểm, nếu có sự chuyển quyền sở hữu xe thì quyền lợi bảo hiểm vẫn có hiệu lực với chủ xe mới. Trường hợp chủ xe cũ không chuyển quyền lợi bảo hiểm cho chủ xe mới thì Bảo Ngân sẽ hoàn phí bảo hiểm cho chủ xe cũ theo quy định tại điều 3 dưới đây.

Điều 3. Hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm

1. Trường hợp chủ xe yêu cầu hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn, chủ xe phải thông báo bằng văn bản cho Bảo Ngân trước 15 ngày kể từ ngày định hủy bỏ. Nếu hợp đồng bảo hiểm được hai bên thỏa thuận hủy bỏ thì Bảo Ngân sẽ hoàn lại cho chủ xe 70% phí bảo hiểm của thời

	CÔNG TY BẢO HIỂM NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG	Mã số: QT 42
	QUY TẮC	Ngày sửa đổi:
	BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE MÔ TÔ – XE MÁY	Lần sửa đổi: 00 Trang: 3/8

gian còn lại, trừ trường hợp trong thời gian hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.

2. Trường hợp Bảo Ngân yêu cầu hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn, Bảo Ngân phải thông báo bằng văn bản cho chủ xe trước 15 ngày kể từ ngày định hủy bỏ và hoàn lại phí bảo hiểm cho chủ xe tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

Điều 4. Giới hạn bồi thường

Tổng số tiền bồi thường của Bảo Ngân trong một sự kiện bảo hiểm không vượt quá số tiền thực tế chủ xe phải sửa chữa thiệt hại và trong mọi trường hợp không vượt quá trách nhiệm bảo hiểm hoặc số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Điều 5. Trách nhiệm của chủ xe, lái xe.

1. Khi yêu cầu bảo hiểm, chủ xe (hoặc người đại diện của mình) phải kê khai đầy đủ và trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm.

2. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ theo thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

3. Trách nhiệm của chủ xe, lái xe khi xe có tai nạn xảy ra:

- Chủ xe hoặc lái xe phải tìm mọi cách cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, đồng thời báo ngay cho cơ quan công an, Bảo Ngân nơi gần nhất để giám định và phối hợp giải quyết hậu quả tai nạn. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn, chủ xe phải thông báo tai nạn bằng văn bản (theo mẫu của Bảo Ngân) và gửi cho Bảo Ngân.

- Chủ xe hoặc lái xe không được di chuyển, tháo dỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo Ngân, trừ trường hợp làm như vậy là cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Trường hợp tai nạn có liên quan đến người khác thì chủ xe phải xác định và cung cấp thông tin cho Bảo Ngân để có cơ sở liên lạc và xác minh các vấn đề liên quan đến tai nạn.

- Chủ xe, lái xe phải trung thực trong việc thu thập và cung cấp các thông tin tai nạn, các tài liệu, chứng từ trong hồ sơ yêu cầu bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho Bảo Ngân trong quá trình xác minh các thông tin liên quan đến vụ việc.

Nếu chủ xe, lái xe không thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định trên đây thì Bảo Ngân có quyền từ chối một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường tương ứng với thiệt hại do lỗi của chủ xe, lái xe gây ra.

Điều 6: Trách nhiệm của Bảo Ngân

Giải thích cho chủ xe về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm, quyền lợi và trách nhiệm của chủ xe khi tham gia bảo hiểm.

Phối hợp chặt chẽ với chủ xe và các cơ quan chức năng để giải quyết tai nạn.

Thực hiện giám định, đánh giá mức độ tổn thất khi có tổn thất xảy ra.

Hướng dẫn chủ xe thu thập hồ sơ khiếu nại theo quy định.

Giải quyết bồi thường theo đúng thỏa thuận và pháp luật quy định.

Điều 7. Giám định tổn thất



Mọi tổn thất về tài sản đều được Bảo Ngân tiến hành giám định trực tiếp với sự chứng kiến của chủ xe, các bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại. Trường hợp không đạt được sự thống nhất giữa Bảo Ngân và các bên thì thống nhất chỉ định một đơn vị giám định độc lập, kết luận của đơn vị giám định độc lập sẽ là căn cứ để hai bên giải quyết.

Đối với những tổn thất mà Bảo Ngân không có điều kiện giám định trực tiếp hoặc không có biên bản tai nạn của Công an thì chủ xe phải cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến tai nạn

Điều 8. Loại trừ bảo hiểm

Bảo Ngân không bồi thường thiệt hại đối với các trường hợp sau đây:

1. Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe, lái xe hoặc của người bị thiệt hại; chủ xe, lái xe tham gia đánh nhau gây thiệt hại (trừ khi được xác nhận đó là hành động phòng vệ chính đáng).
2. Người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hợp lệ đối với các loại xe bắt buộc phải có Giấy phép lái xe.
3. Khi đang điều khiển xe mà trong máu, khí thở có nồng độ cồn, rượu, bia vượt quá quy định của Pháp luật hoặc có các chất kích thích khác mà Pháp luật cấm sử dụng.
4. Xe vận chuyển hàng trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển, xếp dỡ hàng theo quy định của pháp luật.
5. Xe sử dụng để tập lái, đua xe (hợp pháp hoặc trái phép); chạy thử sau khi sửa chữa (trừ khi có thỏa thuận khác).
6. Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm; chuyển hướng xe tại nơi bị cấm; vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có đủ đèn chiếu sáng theo quy định.
7. Xe chờ quá số chỗ ngồi theo quy định của nhà sản xuất (trừ pháp luật cho phép)
8. Thiệt hại gây ra hậu quả gián tiếp như: Giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại
9. Tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
10. Chiến tranh, khủng bố và các nguyên nhân tương tự chiến tranh như: nội chiến, bạo động, đình công.
11. Xe sử dụng để cướp giật, hoặc vào mục đích bất hợp pháp khác gây tai nạn
12. Xe thay đổi kết cấu, tổng thành không đúng với thiết kế nhà sản xuất

Điều 9: Bảo hiểm trùng

Trường hợp cùng một đối tượng bảo hiểm được bảo hiểm theo nhiều Giấy chứng nhận bảo hiểm khác nhau thì trách nhiệm của mỗi Giấy chứng nhận bảo hiểm chỉ giới hạn theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm (hoặc mức trách nhiệm bảo hiểm) ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm đó so với tổng của số tiền (hoặc mức trách nhiệm) bảo hiểm ghi trên tất cả các Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Điều 10. Tai nạn liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba

	CÔNG TY BẢO HIỂM NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG	Mã số:	QT 42
	QUY TẮC	Ngày sửa đổi:	
	BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE MÔ TÔ – XE MÁY	Lần sửa đổi:	00
		Trang:	5/8

Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba thì chủ xe phải bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển đòi bồi thường cho Bảo Ngân kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, chứng từ cần thiết, đồng thời hợp tác chặt chẽ với Bảo Ngân đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã được Bảo Ngân bồi thường.

Điều 11. Hồ sơ bồi thường

Hồ sơ yêu cầu bồi thường bao gồm các tài liệu, chứng từ sau đây:

1. Tài liệu liên quan đến xe, lái xe (bản sao có xác nhận của Bảo Ngân sau khi đã đối chiếu với bản chính)
 - a. Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường (bản chính – theo mẫu của Bảo Ngân)
 - b. Giấy đăng ký xe; Giấy phép lái xe; Giấy chứng nhận bảo hiểm; Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc các giấy tờ tùy thân khác của lái xe và các giấy tờ liên quan khác.
2. Bản sao các tài liệu liên quan của cơ quan có thẩm quyền về vụ tai nạn
 - a. Biên bản khám nghiệm hiện trường (kèm theo hồ sơ hiện trường); Biên bản khám nghiệm xe liên quan đến tai nạn; Biên bản giải quyết tai nạn; Kết luận điều tra của Công an;
 - b. Bản án hoặc quyết định của Tòa án (nếu có);
 - c. Các biên bản, tài liệu xác định trách nhiệm của người thứ ba;
 - d. Trường hợp vụ việc không có Công an tham gia thì chủ xe phải thông báo ngay cho Bảo Ngân để phối hợp lập hồ sơ và thu thập các tài liệu chứng minh về nguyên nhân và giải quyết tai nạn.
3. Các chứng từ chứng minh thiệt hại: Chứng từ xác định chi phí sửa chữa, thay thế tài sản bị thiệt hại như: Biên bản giám định; thuê cầu kéo; sửa chữa, thay thế phụ tùng xe; chứng từ xác định giá trị tài sản (nếu cần).

Điều 12. Thời hạn yêu cầu, thanh toán và khiếu nại bồi thường

1. Thời hạn yêu cầu bồi thường của chủ xe cơ giới là 01 năm kể từ ngày xảy ra tai nạn, trừ trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan và bất khả kháng theo quy định của Pháp luật.
2. Thời hạn thanh toán bồi thường của Bảo Ngân là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ bồi thường đầy đủ và hợp lệ, và không kéo dài quá 30 ngày trong trường hợp phải xác minh hồ sơ.
3. Trường hợp từ chối bồi thường, Bảo Ngân phải thông báo bằng văn bản cho chủ xe biết lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường bảo hiểm.
4. Thời hiệu khởi kiện về việc bồi thường bảo hiểm là 03 năm kể từ ngày Bảo Ngân thanh toán bồi thường hoặc từ chối bồi thường. Quá thời hạn trên quyền khởi kiện không còn giá trị.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm, nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa các bên liên quan sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết.



CHƯƠNG II
BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE MÔ TÔ – XE MÁY**Điều 14. Phạm vi bảo hiểm**

Bảo Ngân chỉ nhận bảo hiểm cho những tổn thất gây ra bởi rủi ro sau đây:

- Cháy;
- Nổ;
- Tổn thất do tai nạn giao thông với điều kiện xe bị hư hỏng, phá hủy trên 75% giá trị thực tế của xe;

Ngoài ra, Bảo Ngân còn thanh toán những chi phí cần thiết và hợp lý phát sinh trong tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm nhằm:

- Ngăn ngừa, hạn chế tổn thất phát sinh thêm, bảo vệ và đưa xe thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất nhưng tối đa không quá 10% số tiền bảo hiểm;
- Chi phí giám định tổn thất nếu thuộc phạm vi bảo hiểm

Điều 15. Loại trừ bảo hiểm

Ngoài các điểm loại trừ chung quy định tại Điều 8 Chương 1 của Quy tắc này, Bảo Ngân không chịu trách nhiệm bồi thường trong những trường hợp sau đây:

1. Hao mòn, hỏng hóc tự nhiên; mất giá trị, giảm chất lượng; hỏng hóc do khuyết tật hoặc tổn thất thêm do sửa chữa và trong quá trình sửa chữa (gồm cả chạy thử), hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất.
2. Hư hỏng về điện hoặc bộ phận máy móc, thiết bị mà không phải do tai nạn quy định tại Điều 14 trên đây.
3. Hư hỏng hay tổn thất trong quá trình vận hành các thiết bị, phụ tùng lắp thêm.
4. Sấm lộp, chập lộp, nhãn hiệu, đề can, bạt thùng xe, chấn bunn, biểu tượng nhà sản xuất, trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn.
5. Mọi trường hợp mất cắp toàn bộ hoặc bộ phận xe.
6. Tổn thất động cơ do xe đi vào vùng ngập nước hay do nước lọt vào động cơ gây nên hiện tượng thủy kích phá hỏng động cơ xe.
7. Mức miễn thường được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, Mức miễn thường này áp dụng sau khi đã thực hiện các điều khoản, điều kiện của Quy tắc bảo hiểm.

Điều 16. Số tiền bảo hiểm

Số tiền bảo hiểm do chủ xe và Bảo Ngân thỏa thuận theo giá trị thực tế trên thị trường tại thời điểm tham gia bảo hiểm. Chủ xe có thể lựa chọn bảo hiểm cho xe bằng hoặc thấp hơn giá trị thực tế của xe để được bồi thường theo quy định tại Điều 17 dưới đây.

Sau khi xảy ra tổn thất, Bảo Ngân có quyền đánh giá lại giá trị thực tế thị trường của xe tại thời điểm tổn thất và đây sẽ là căn cứ để Bảo Ngân bồi thường như tại Điều 17 dưới đây.



Điều 17. Bồi thường tổn thất

Bảo Ngân chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế để sửa chữa, thay thế (nếu không thể sửa chữa được) bộ phận bị tổn thất, hoặc trả tiền cho chủ xe để bù đắp tổn thất trên cơ sở xác định được chi phí sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả.

Những bộ phận hư hỏng hoặc các xe đã được Bảo Ngân chấp nhận bồi thường hoặc thay mới thuộc quyền sở hữu của Bảo Ngân, hoặc Bảo Ngân thu hồi giá trị còn lại của xác xe theo tỷ lệ giữa số tiền bồi thường của Bảo Ngân và giá trị thực tế của xe đối với trường hợp bảo hiểm dưới giá trị, bảo hiểm trùng hoặc có sự tham gia bồi thường của bên thứ ba.

1. Bồi thường tổn thất bộ phận.

a. Trường hợp xe tham gia bảo hiểm với số tiền bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá trị thực tế thì số tiền bồi thường của Bảo Ngân được tính theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị thực tế của xe tại thời điểm tham gia bảo hiểm;

b. Trường hợp xe tham gia bảo hiểm với số tiền bảo hiểm cao hơn giá trị thực tế thì Bảo Ngân bồi thường theo giá trị thực tế của bộ phận đó ngay trước thời điểm xảy ra tai nạn;

c. Trong quá trình sửa chữa, khắc phục tổn thất, nếu phải thay thế bộ phận mới thì số tiền bồi thường tối đa của Bảo Ngân không vượt quá giá trị thực tế của bộ phận đó ngay trước thời điểm xảy ra tai nạn theo cách tính tại điểm a và b khoản 1 Điều này;

2. Bồi thường tổn thất toàn bộ do cháy, nổ, tai nạn giao thông đối với xe mô tô – xe máy

Xe được coi là tổn thất toàn bộ trong các trường hợp: Xe bị thiệt hại trên 75% giá trị thực tế của xe hoặc đến mức không thể sửa chữa, phục hồi để đảm bảo lưu hành an toàn hoặc chi phí phục hồi bằng hoặc lớn hơn giá trị thực tế của xe.

Số tiền bồi thường toàn bộ bằng giá trị thực tế của xe trước khi xảy ra tai nạn, tổn thất và không vượt quá số tiền ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Điều 18. Chế tài bồi thường

Chủ xe, lái xe vi phạm Quy tắc bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm hoặc vi phạm lỗi khi tham gia giao thông thì Bảo Ngân có quyền từ chối một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường theo quy định sau:

1. Áp dụng chế tài từ 10% đến 30% số tiền bồi thường đối với các trường hợp:

a. Chủ xe, lái xe không khai báo tai nạn trong vòng 05 ngày (trừ trường hợp có lý do chính đáng) kể từ ngày xảy ra tai nạn và/hoặc không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa nhằm hạn chế tổn thất như quy định tại Điều 5 của Quy tắc này

b. Chủ xe, lái xe tự động sửa chữa xe khi chưa được sự chấp thuận của Bảo Ngân.

2. Áp dụng chế tài từ 25% đến 30% số tiền bồi thường đối với các trường hợp:

a. Lái xe ngủ gật trong quá trình điều khiển phương tiện gây tai nạn;

b. Lái xe điều khiển xe chạy vượt quá tốc độ cho phép;

Tổng mức chế tài bồi thường theo khoản 1 và 2 của Điều này không vượt quá 50% số tiền bồi thường.

3. Áp dụng chế tài từ 50% đến 100% số tiền bồi thường đối với các trường hợp:

a. Chủ xe không tạo điều kiện và không thực hiện việc chuyển quyền đòi người thứ ba cho Bảo Ngân.

b. Chủ xe, lái xe tự động thương lượng bồi thường với người thứ ba không theo hướng dẫn của Bảo Ngân.

Điều 19. Mức miễn thường

Bảo Ngân áp dụng mức miễn thường có khấu trừ là 500.000 VNĐ/vụ (trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản).

Điều 20. Phí bảo hiểm

Thời gian sử dụng của xe mô tô – xe máy (<i>Tính từ năm sản xuất</i>)	Tỷ lệ phí bảo hiểm (<i>Chưa bao gồm thuế VAT</i>)
Xe mới 100%, xe đã qua sử dụng đến 7 năm	0,5%

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Anh Tuấn
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH